

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04/9/2024.
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2024, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị M, sinh năm 1995, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh D, sinh năm 1993, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án chị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh D kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 02/5/2018 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Mẫu thuẫn dẫn đến xin ly hôn: Giữa anh D và chị M phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và trong sinh hoạt, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Từ những mâu thuẫn nêu

trên dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, mỗi lần như vậy anh D thường xuyên có những hành vi đánh đập chị M, đồng thời anh D có những lời nói khiếm nhã, xúc phạm đến bố mẹ chị M. Hai vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bốn phận của riêng mình, bỏ mặc nhau. Hai vợ chồng nói chuyện với nhau rất nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa giải được, không có tiếng nói chung. Anh D và chị M đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, hai người sống hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau. Nay chị M xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung, cháu H, sinh ngày 19/8/2018. Cháu H đang sinh sống cùng với chị M - tại địa chỉ Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Cháu H chuẩn bị vào học lớp 01 trường tiểu học Hoàng Diệu xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc cháu H đến tuổi trưởng thành. Chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh D: Qua xác minh tại Công an xã Năm N'đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên hiện nay không sinh sống tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành tìm yết văn bản tố tụng trong vụ án đối với anh D.

Anh D đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự tiến hành làm việc của Tòa án, nhưng anh D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và chấp nhận những vấn đề cụ thể nêu trong Thông báo thụ lý mà nguyên đơn yêu cầu: Anh D đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung: Đồng ý giao cháu H, sinh ngày 19/8/2018 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn chị M và bị đơn anh D đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Bị đơn anh D vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn xin ly hôn và cho chị M ly hôn với anh D (chấm dứt hôn nhân). Giao Cháu H, sinh ngày 19/8/2018 cho chị M được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng; đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Buộc chị M chịu án phí 300.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn chị M và anh D. Bị đơn anh D có đăng ký thường trú tại Bon Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qua xác minh tại Công an xã Năm N'đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Đ, xã N, huyện Kr, tỉnh Đắk Nông, nhưng hiện nay không sinh sống tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành niêm yết văn bản tố tụng trong vụ án đối với anh D.

Bị đơn D đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án tổng đạt, nhưng anh D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và nêu rõ quan điểm về vụ án "Đồng ý với yêu cầu của chị M" theo Thông báo thụ lý vụ án. Ngày 01/8/2024, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[3] Về hôn nhân: Chị M và anh D xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Năm N'đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông vào ngày 02/5/2018 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34. Do đó, hôn nhân giữa chị M và anh D là hợp pháp.

[4] Mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Giữa chị M và anh D phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Giữa chị M và anh D thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, mỗi lần như vậy anh D có hành vi bạo lực gia đình, anh D có những lời nói khiếm nhã và xúc phạm đến bố mẹ chị M. Từ đó, giữa chị M và anh D không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bản phận của riêng mình, bỏ mặc nhau. Chị M và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, sống hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M và anh D đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và cho chị M được ly hôn với anh D.

[5] Con chung: Chị M có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H - sinh ngày 19/8/2018 đến khi đủ 18 tuổi, thể hiện trách nhiệm người mẹ với con cái, đồng thời hiện nay cháu H đang sống cùng chị M. Anh D có văn bản đồng ý giao cháu H - sinh ngày 19/8/2018 cho chị M được quyền nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của

con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị M đối với bị đơn anh D.

2. Về hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh D (chấm dứt hôn nhân).

3. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 19/8/2018 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị M không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008004 ngày 18/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nông;
- Chi cục THADS huyện Krông Nông;
- UBND xã Nâm N’dir, huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy